

Số: 534 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chuyển đối với 57 cơ sở nhà, đất
của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 67/2017/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung và thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 47/TTr-STC ngày 16/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển đối với 57 cơ sở nhà, đất của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của UBND tỉnh, đơn vị có tài sản điều chuyển và đơn vị được nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm:

a) Đơn vị có tài sản điều chuyển thực hiện bàn giao nhà, đất cho đơn vị được tiếp nhận tài sản; hạch toán giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành.

b) Đơn vị được nhận tài sản điều chuyển tiếp nhận nhà, đất điều chuyển, hạch toán tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; thực hiện việc quản lý, sử dụng nhà, đất theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương để hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Việc tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

d) Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí hợp lý có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn, Chủ tịch UBND các huyện Tuy Phước, Vân Canh, Tây Sơn, Phù Cát, Hoài Ân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K4, K14.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**





Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHUYỂN ĐỐI VỚI 57 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Tài sản điều chuyển			Hồ sơ pháp lý	Đơn vị nhận tài sản điều chuyển	Mục đích sử dụng tài sản sau điều chuyển
		Đất (m²)	Nhà (m²)				
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn xây dựng			
I	Huyện Tuy Phước						
1	Trường Mầm non Phước Hòa						
1.1	Cụm Kim Tây 9	368,2	52,0	52,0	Chưa có sổ đỏ	UBND xã Phước Hoà	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Kim Tây
1.2	Cụm Bình Lâm	231,5	197,0	197,0	Chưa có sổ đỏ	UBND xã Phước Hòa	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Bình Lâm
1.3	Cụm Tùng Giản 21	66,5	52,0	52,0	Chưa có sổ đỏ	UBND xã Phước Hòa	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Tùng Giản
1.4	Cụm Tùng Giản 22 (nay là cụm Tân Giản 22)	117,6	52,0	52,0	Chưa có sổ đỏ	UBND xã Phước Hòa	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Tân Giản
1.5	Cụm Huỳnh Giản Sa	266,0	52,0	52,0	Chưa có sổ đỏ	UBND xã Phước Hòa	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Huỳnh Giản Bắc
2	Trường Mầm non thị trấn Diêu Trì						
2.1	Cụm Vân Hội 2, xóm 1	252,0	64,0	64,0	GCNQSD đất số BK 319915	UBND thị trấn Diêu Trì	Làm nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Vân Hội 2
2.2	Cụm Diêu Trì, đội 5	21,4	21,4	21,4	GCNQSD đất số BK 319910	UBND thị trấn Diêu Trì	Làm nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Diêu Trì
2.3	Cụm Luật Lễ đội 2	494,7	112,0	112,0	GCNQSD đất số BK 319908	UBND thị trấn Diêu Trì	Làm nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Luật Lễ
2.4	Cụm Luật Lễ đội 4	790,3	77,0	77,0	GCNQSD đất số BK 319909	UBND thị trấn Diêu Trì	Làm nhà sinh hoạt cho người cao tuổi khu phố Luật Lễ
3	Trường Mầm non Phước Sơn						
3.1	Lộc Thượng	328,7	56,0	56,0	GCNQSD số BG630755	UBND xã Phước Sơn	Mở rộng Nhà văn hoá thôn Lộc Thượng

STT	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Tài sản điều chuyển			Hồ sơ pháp lý	Đơn vị nhận tài sản điều chuyển	Mục đích sử dụng tài sản sau điều chuyển
		Đất (m²)	Nhà (m²)				
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn xây dựng			
3.2	Dương Thiện	186,7	48,0	48,0	GCNQSD số BG630759	UBND xã Phước Sơn	Mở rộng Nhà văn hoá thôn Dương Thiện
3.3	Cụm Kỳ Sơn xóm 5	351,7	56,0	56,0	GCNQSD đất số BG630769	UBND xã Phước Sơn	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Kỳ Sơn
4	Trường Mầm non Phước Thắng						
4.1	Cụm An Lợi đội 9	196,0	60,0	60,0	Chưa có sổ đỏ	UBND xã Phước Thắng	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn An Lợi
5	Trường Mầm non Phước Hiệp						
5.1	Cụm Xuân Mỹ	192,0	48,0	48,0	GCNQSD đất số BK001194	UBND xã Phước Hiệp	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xuân Mỹ
5.2	Cụm Lục Lễ, đội 10	304,8	48,0	48,0	GCNQSD đất số BK001195	UBND xã Phước Hiệp	Nhà sinh hoạt cộng đồng đội 10, thôn Lục Lễ
5.3	Cụm Đại Lễ, đội 8	243,8	64,0	64,0	Chưa có sổ đỏ	UBND xã Phước Hiệp	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đại Lễ
5.4	Cụm Giang Bắc, đội 7	316,5	64,0	64,0	GCNQSD đất số BK001701	UBND xã Phước Hiệp	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Giang Bắc
5.5	Lục Lễ, đội 9	353,9	64,0	64,0	GCNQSDĐ số BK001196	UBND xã Phước Hiệp	Nhà sinh hoạt cộng đồng đội 9, thôn Lục Lễ
5.6	Tuân Lễ	338,3	48,0	48,0	GCNQSDĐ số BK001200	UBND xã Phước Hiệp	Mở rộng Nhà văn hoá thôn Tuân Lễ
5.7	Tú Thủy	194,3	58,0	58,0	GCNQSDĐ số BK001197	UBND xã Phước Hiệp	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tú Thủy
6	Trường Mầm non Phước An						
6.1	Cụm Quy Hội	681,6	48,0	48,0	Không có	UBND xã Phước An	Khu sinh hoạt cộng đồng thôn Quy Hội
6	Trường Mầm non Phước Thành						
6.1	Cụm thôn Cảnh An 1 (3)	152,0	48,0	48,0	Không có	UBND xã Phước Thành	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 5 thôn Cảnh An 1
6.2	Cụm thôn Bình An 2 (2)	117,0	48,0	48,0	Không có	UBND xã Phước Thành	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 4 thôn Bình An 2

STT	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Tài sản điều chuyển			Hồ sơ pháp lý	Đơn vị nhận tài sản điều chuyển	Mục đích sử dụng tài sản sau điều chuyển
		Đất (m ²)	Nhà (m ²)				
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn xây dựng			
6.3	Cụm thôn Cảnh An 1 (1)	267,0	48,0	48,0	Chưa có sổ đỏ	UBND xã Phước Thành	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 1 thôn Cảnh An 1
7	Trường Tiểu học Hoà Thắng (nay là Trường Tiểu học số 2 Phước Hòa)						
7.1	Cụm Huỳnh Giản Nam	588,9	258,6	258,6	GCNQSD đất số BI353006	UBND xã Phước Hoà	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Huỳnh Nam thôn Huỳnh Giản Nam
8	Trường Mầm non Phước Lộc						
8.1	Phú Mỹ 1	55,5	55,5	55,5	GCNQSD đất số BK001174	UBND xã Phước Lộc	Nhà kho thôn Phú Mỹ
8.2	Đại Tín 2	96,8	52,7	52,7	GCNQSD đất số BK319528	UBND xã Phước Lộc	Khu sinh hoạt cho người cao tuổi thôn Đại Tín
8.3	Quang Hy	1.343,7	91,4	91,4	GCNQSD đất số BK001703	UBND xã Phước Lộc	Khu sinh hoạt cho người cao tuổi thôn Quang Hy
9	Trường Mầm non thị trấn Tuy Phước						
9.1	Mỹ Điền 10 B	80,7	34,0	34,0	GCNQSDĐ số : BK319545 ngày 24/07/2012	UBND thị trấn Tuy Phước	Nhà họp xóm của đội 10B khu phố Mỹ Điền
10	Trường Mầm non Phước Quang						
10.1	Cụm Văn Quang (cũ)	189,5	64,0	64,0	Chưa có sổ đỏ	UBND xã Phước Quang	Mở rộng Nhà văn hoá thôn Văn Quang
10.2	Cụm Định Thiện Tây 1	429,1	64,0	64,0	Chưa có sổ đỏ	UBND xã Phước Quang	Mở rộng Nhà văn hoá thôn Định Thiện Tây
II	Huyện Tây Sơn						
1	Trường Mầm non Tây Bình						
1.1	Điểm trường xóm 12, thôn An Chánh	324,0	53,3	53,3	GCNQSD đất số BU625659	UBND xã Tây Bình	Điểm sinh hoạt cộng đồng xóm 12, thôn An Chánh
2	Trường Tiểu học số 2 Võ Xán						
2.1	Điểm trường lẻ khối Phú Xuân	2.152,7	432,0	432,0	Không có	UBND thị trấn Phú Phong	Điểm sinh hoạt cộng đồng dân cư
3	Trường Mầm non Phú Phong						

STT	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Tài sản điều chuyển			Hồ sơ pháp lý	Đơn vị nhận tài sản điều chuyển	Mục đích sử dụng tài sản sau điều chuyển
		Đất (m ²)	Nhà (m ²)				
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn xây dựng			
3.1	Điểm trường Khối Phú Xuân, thị trấn Phú Phong	574,4	60,0	60,0	Không có	UBND thị trấn Phú Phong	Điểm sinh hoạt cộng đồng dân cư
4	Trường Mầm non Hướng Dương						
4.1	Điểm trường Khối Phú Vãn, thị trấn Phú Phong	1.248,0	216,0	216,0	Không có	UBND thị trấn Phú Phong	Điểm sinh hoạt cộng đồng dân cư
III	Huyện Phù Cát						
1	Trường Mẫu Giáo Cát Hiệp						
1.1	Điểm trường Ba Làng, thôn Hòa Đại	240,90	76,65	76,65	Chưa có GCNQSDĐ	UBND xã Cát Hiệp	Trụ sở sinh hoạt xóm Ba Làng
1.2	Điểm trường Hiệp Tân, thôn Hòa Đại	990,00	106,55	106,55	Chưa có GCNQSDĐ	UBND xã Cát Hiệp	Trụ sở sinh hoạt xóm Hiệp Tân
IV	Huyện Hoài Ân						
1	Trường Mầm non Ân Hữu						
1.1	Điểm Xuân Sơn	766,7			GCN QSD đất số: CT03183/GCN- QSDNĐ ngày 09/09/2014	UBND xã Ân Hữu	Nhà Văn hoá thôn Xuân Sơn
V	Thị xã Hoài Nhơn						
1	Trường TH và THCS Hoài Phú						
1.1	Điểm trường thôn Cự Lễ xã Hoài Phú	1.622,0	182,4	182,4	Giấy CNQSDĐ BP 958132 do Sở TN và MT Bình Định cấp ngày 07/04/2014	UBND xã Hoài Phú	Khu sinh hoạt thể thao cho thôn Cự Lễ
2	Trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc						
2.1	Điểm trường khu phố Trường Xuân Đông, phường Tam Quan Bắc	3.216,0	404,6	404,6	Giấy CNQSD đất số: 065983 đã được UBND huyện Hoài Nhơn cấp ngày 26/12/2003	UBND Phường Tam Quan Bắc	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của Khu Phố Trường Xuân Đông
3	Trường Tiểu học số 1 Hoài Hảo						
3.1	Điểm trường Khu Phố Tấn Thạnh 2, Phường Hoài Hảo	1.413,9	320,0	320,0	Giấy CNQSDĐ số BU 491753 do Sở TN và MT tỉnh Bình Định cấp ngày 29/09/2014	UBND Phường Hoài Hảo	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của Khu Phố Tấn Thạnh 2
4	Trường Tiểu học số 1 Hoài Châu Bắc						

STT	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Tài sản điều chuyển			Hồ sơ pháp lý	Đơn vị nhận tài sản điều chuyển	Mục đích sử dụng tài sản sau điều chuyển
		Đất (m²)	Nhà (m²)				
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn xây dựng			
4.1	Điểm trường thôn Bình Đê xã Hoài Châu Bắc	2.637,0	195,8	195,8	Giấy CNQSD đất số 065995 do UBND huyện Hoài Nhơn cấp ngày 26/12/2003	UBND xã Hoài Châu Bắc	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Bình Đê
5	Trường Tiểu học số 1 Hoài Thanh Tây						
5.1	Điểm trường Khu phố Bình Phú - Phường Hoài Thanh Tây	1.520,7			Giấy CNQSDĐ số BP 958268 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh BD cấp ngày 21/5/2014	UBND Phường Hoài Thanh Tây	Khu sinh hoạt thể thao quần chúng cho Khu phố Bình Phú
6	Trường Tiểu Học Hoài Hải						
6.1	Điểm trường thôn Diêu Quang, xã Hoài Hải	2.000,0			Giấy chứng nhận QSDĐ số: BP 958288 do sở TNMT tỉnh Bình Định cấp ngày 21/05/2014	UBND xã Hoài Hải	Khu vui chơi cho trẻ em
7	Trường Mẫu Giáo Hoài Hải						
7.1	Điểm trường thôn Kim Giao Thiện, xã Hoài Hải	675,0	100,4	100,4	Chưa có giấy CNQSD đất	UBND xã Hoài Hải	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Kim Giao Thiện
7.2	Điểm trường thôn Diêu Quang, xã Hoài Hải	489,0	64,0	64,0	Chưa có giấy CNQSD đất	UBND xã Hoài Hải	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Diêu Quang
7.3	Điểm trường thôn Kim Giao Nam, xã Hoài Hải	109,8			Có giấy CNQSD đất BY 227007 do Sở TN và MT tỉnh BD cấp ngày 05/01/2015	UBND xã Hoài Hải	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Kim Giao Nam
8	Trường Mầm Non Hoài Sơn						
8.1	Điểm trường Thôn Tường Sơn, xã Hoài Sơn	2.496,0	430,0	430,0	Có giấy CNQSD đất số: 065903 đã được UBND huyện Hoài Nhơn cấp ngày 26/12/2003	UBND xã Hoài Sơn	Khu sinh hoạt thể thao quần chúng cho thôn Tường Sơn
9	Trường Mầm non Hoài Thanh						

STT	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Tài sản điều chuyển			Hồ sơ pháp lý	Đơn vị nhận tài sản điều chuyển	Mục đích sử dụng tài sản sau điều chuyển
		Đất (m ²)	Nhà (m ²)				
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn xây dựng			
9.1	Điểm trường khu phố An Lộc 2, phường Hoài Thanh	875,0	56,0	56,0	Có giấy CNQSD đất số: AM625461 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 4/8/2008	UBND Phường Hoài Thanh	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của Khu Phố An Lộc 2
9.2	Điểm trường khu phố Trường An 1, phường Hoài Thanh	267,3	55,6	55,6	Có giấy CNQSD đất số: CN536385 do sở tài nguyên môi trường cấp ngày 08/7/2019	UBND Phường Hoài Thanh	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của Khu Phố Trường An 1
9.3	Điểm trường khu phố Lâm Trúc 1, phường Hoài Thanh	529,5	62,2	62,2	Có giấy CNQSD đất số: CN 536383 do sở tài nguyên môi trường cấp ngày 08/7/2019	UBND Phường Hoài Thanh	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của Khu Phố Lâm Trúc 1
VI	Huyện Phù Cát						
1	Trường Mẫu giáo Cát Minh						
1.1	Điểm trường Đức Phổ 2	618,3	67,0	67,0	GCNQSDĐ CCT 02372	UBND xã Cát Minh	Nhà văn hóa thôn Đức Phổ 2
2	Trường Mẫu giáo Cát Tiến						
2.1	Điểm trường Tân Tiến 1, Khu phố Tân Tiến	335,5	64,6	64,6	Chưa có GCNQSDĐ	UBND thị trấn Cát Tiến	Nhà tránh lũ cộng đồng cho nhân dân khu phố Tân Tiến
3	Trường Tiểu học số 2 Cát Hanh (điểm trường Vĩnh Long)	841,0	150,0	150,0	Chưa có GCNQSDĐ	UBND xã Cát Hanh	Trụ sở sinh hoạt xóm Vĩnh Long
VII	Huyện Vân Canh						
1	Trường Mẫu giáo Canh Hiền						
1.1	Điểm trường Mẫu giáo thôn Chánh Hiền (thôn Chánh hiền, xã Canh Hiền, Vân Canh)	892,3	84,0	84,0	GCNQSD-BY697690; số vào sổ cấp GCN: CT03720 ngày 07/5/2015	UBND xã Canh Hiền	Mở rộng Nhà Văn hóa cộng đồng thôn Chánh Hiền
VIII	Huyện Hoài Ân						
1	Trường Tiểu học Ân Nghĩa						

STT	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Tài sản điều chuyển			Hồ sơ pháp lý	Đơn vị nhận tài sản điều chuyển	Mục đích sử dụng tài sản sau điều chuyển
		Đất (m ²)	Nhà (m ²)				
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn xây dựng			
1.1	Điểm Nghĩa Nhon	2.000,0	233,0	233,0	GCNQSD đất số AP294015 ngày 18/6/2009	UBND xã Ân Nghĩa	Nhà văn hoá Thôn Nghĩa Nhon
2	Trường Tiểu học Ân Tường Tây						
2.1	Điểm Phú Hữu 1	1.194,0	78,8	78,8	GCNQSDĐ số AP294033 25/5/2009	UBND xã Ân Tường Tây	Nhà Văn hóa xóm 1